

KỶ THI CHỌN HSG TỈNH LỚP 9 THCS
NAM HỌC 2010-2011
TÊN ĐƠN VỊ : PHÒNG GD-ĐT KỶ SƠN

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI

Tờ số: 1

Số TT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi	Xếp giải	Môn thi, bảng thi
1	2	3	4	5	6	7	8
1	01A009	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	18/01/1996	Kỳ Sơn- Hoà	15,75	Ba	Toán
2	01A008	TRẦN THỊ THUÝ	14/08/1996	Kỳ Sơn- Hoà	13,75	KK	Toán
3	01A001	HOÀNG TUẤN	12/01/1996	Kỳ Sơn- Hoà	13,25	KK	Toán
4	01A006	ĐỖ MAI	11/10/1996	Kỳ Sơn- Hoà	13,00	KK	Toán
5	01A007	PHẠM THỊ	23/11/1996	Kỳ Sơn- Hoà	12,75	KK	Toán
6	02A007	ĐỒNG THANH	21/05/1996	Kỳ Sơn- Hoà	15,50	Ba	Vật Lý
7	02A009	QUÁCH TUẤN	07/12/1996	Kỳ Sơn- Hoà	12,50	KK	Vật Lý
8	02A008	NGUYỄN XUÂN	04/09/1996	Kỳ Sơn- Hoà	11,50	KK	Vật Lý
9	02A003	NGUYỄN HOÀNG	19/08/1996	Kỳ Sơn- Hoà	11,50	KK	Vật Lý
10	02A001	NGUYỄN THỊ HẢI	13/09/1996	BV tỉnh Hoà	11,00	KK	Vật Lý
11	02A004	NGUYỄN QUỐC	21/08/1996	BV tỉnh Hoà	10,50	KK	Vật Lý
12	02A005	BÙI THANH	25/07/1996	Kỳ Sơn- Hoà	10,50	KK	Vật Lý
13	03A004	NGUYỄN TRUNG	24/02/1996	Kỳ Sơn- Hoà	17,25	Nhì	Hóa Học
14	03A003	NGUYỄN THỊ THU	23/07/1996	BV Kỳ Sơn-HB	16,75	Ba	Hóa Học
15	03A005	NGUYỄN THỊ	18/02/1996	Lương Sơn- HB	16,75	Ba	Hóa Học
16	03A001	LẠI KHÁNH	18/05/1996	Kỳ Sơn- Hoà	16,50	Ba	Hóa Học
17	03A002	PHẠM QUANG	03/09/1996	BV tỉnh Hoà	16,25	Ba	Hóa Học
18	03A006	BÙI MẠNH	11/02/1996	BV tỉnh Hoà	16,00	Ba	Hóa Học
19	04A002	HOÀNG THỊ THU	28/09/1996	BV tỉnh Hoà	16,50	Nhì	Sinh Học
20	04A010	HOÀNG LÊ	15/12/1996	Kỳ Sơn- Hoà	16,50	Nhì	Sinh Học
21	04A005	LÊ QUANG	24/03/1996	Kỳ Sơn- Hoà	15,00	Ba	Sinh Học
22	04A001	NGUYỄN THỊ	05/01/1996	Kỳ Sơn- Hoà	12,00	KK	Sinh Học
23	04A006	NGUYỄN THỊ	06/07/1996	Kỳ Sơn- Hoà	11,00	KK	Sinh Học
24	05A003	HOÀNG THỊ THU	17/10/1996	Kỳ Sơn- Hoà	15,00	Ba	Văn
25	05A008	PHẠM THỊ NHƯ	05/05/1996	Kỳ Sơn- Hoà	13,00	KK	Văn
26	05A001	VŨ THỊ MINH	05/12/1996	Kỳ Sơn- Hoà	13,00	KK	Văn
27	05A007	NGUYỄN THỊ NGỌC	09/09/1996	BV tỉnh Hoà	13,00	KK	Văn
28	05A009	VŨ THỊ	27/09/1996	BV tỉnh Hoà	12,50	KK	Văn
29	06A002	NGUYỄN VĂN	09/07/1996	Kỳ Sơn- Hoà	12,75	KK	Lịch Sử
30	06A001	NGUYỄN THẾ	30/08/1996	Lương Sơn- HB	12,50	KK	Lịch Sử
31	07A006	NGUYỄN THỊ MAI	01/03/1996	Lương Sơn- HB	15,00	Ba	Địa lí
32	07A005	NGUYỄN LƯƠNG	22/12/1995	Kỳ Sơn- Hoà	12,50	KK	Địa lí
33	07A007	HOÀNG THỊ HOA	19/05/1996	Kỳ Sơn- Hoà	12,00	KK	Địa lí
34	07A009	VŨ THỊ	21/08/1996	Kỳ Sơn- Hoà	12,00	KK	Địa lí

Số TT	Số BD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi	Xếp giải	Môn thi, bảng thi
1	2	3		4	5	6	7	8
35	07A004	VŨ MẠNH	ĐÌNH	08/04/1996	Kỳ Sơn- Hoà	12,00	KK	Địa lí
36	08A005	NGUYỄN KHÁNH	HOÀ	06/01/1996	BV Tĩnh Hoà	18,50	Nhì	Tiếng Anh

KT. GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Quang Ngân